

## **Sáng kiến kinh nghiệm môn triết học – chương 2 điều kiện lịch sử ra đời và phát triển**



### **Chương 2**

#### **TRIẾT HỌC ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

### **I. ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN. CÁC ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN**

#### **1. Điều kiện lịch sử ra đời và phát triển**

Ấn Độ cổ là một đất nước rộng lớn thuộc bán đảo Nam Á, bao gồm cả nước Pakixtan, Bangladesh và Nepal ngày nay. Khắp vùng từ Đông Bắc đến Tây Bắc của Ấn Độ cổ đại núi non trùng điệp với dãy Himalaya nổi tiếng kéo dài 2600 km. Dãy núi Vindya phân chia Ấn Độ thành hai miền: Bắc và Nam. Miền Bắc có hai con sông lớn là sông An ở phía Tây và sông Hằng ở phía Đông, chúng tạo nên hai đồng bằng màu mỡ – cái nôi của nền văn minh cổ Ấn Độ. Trước khi đổ ra biển, sông An chia làm 5 nhánh, và biến lưu vực của mình thành đồng bằng Punggiáp. Đối với người Ấn Độ, sông Hằng là dòng sông linh thiêng có thành phố Varanadi (Bênarét) bên bờ; nơi đây, từ ngàn xưa, người Ấn Độ cử hành lễ tắm truyền thống mang tính chất tôn giáo... Cư dân Ấn Độ rất đa dạng và phức tạp với nhiều bộ tộc

khác nhau, nhưng về chủng tộc, có hai loại chính là người Dravida cư trú chủ yếu ở miền Nam, và người Arya chủ yếu sống ở miền Bắc.

Từ trong nền văn minh sông An của người bản địa Dravida xa xưa, nhà nước An Độ cổ đại đã xuất hiện; nông nghiệp, thủ công, thương nghiệp đã hình thành. Tuy nhiên, đến thế kỷ XVII TCN, thiên tai (lũ lụt trên sông An...) đã làm cho nền văn minh này sụp đổ. Vào khoảng thế kỷ XV TCN, các bộ lạc du mục Arya ở Trung Á xâm nhập vào An Độ. Họ định canh, định cư và tiến hành quá trình nô dịch, đồng hóa, hỗn chủng với các bộ lạc bản địa Dravida. Kinh tế tiểu nông nghiệp kết hợp với thủ công nghiệp gia đình mang tính tự cung, tự cấp lấy gia đình, gia tộc của người Arya làm cơ sở, đã tạo nền tảng vững chắc cho các *công xã nông thôn* ra đời và sớm được khẳng định.

Trong mô hình *công xã nông thôn*, toàn bộ ruộng đất đều thuộc quyền sở hữu nhà nước của các đế vương; nhà nước kết hợp với tôn giáo thống trị nhân dân và bóc lột nông nô công xã; tôn giáo bao trùm mọi mặt đời sống xã hội; con người sống nặng về tâm linh tinh thần và khao khát được giải thoát. Cũng trong mô hình này đã hình thành **4 đẳng cấp** với sự phân biệt hết sức khắc nghiệt và dai dẳng. Đó là: *Tăng lữ* – đẳng cấp cao quý nhất trong xã hội – bao gồm những người hành nghề tế lễ; *Quý tộc* – đẳng cấp thứ hai trong xã hội – bao gồm vua chúa, tướng lĩnh; *Bình dân tự do* – đẳng cấp thứ 3 trong xã hội – bao gồm những người có chút ít tài sản, ruộng đất; *Tiện nô* hay *nô lệ* – đẳng cấp thấp nhất và đông đảo nhất – bao gồm những người tận cùng không có quyền lợi gì trong xã hội. Ngoài sự phân biệt đẳng cấp như trên, xã hội Ấn Độ cổ đại còn có sự phân biệt về chủng tộc, dòng dõi, tôn giáo, nghề nghiệp...

Những sự phân biệt này đã tạo ra những xung đột ngầm ngấm trong xã hội nhưng bị kìm giữ bởi sức mạnh vật chất và tinh thần của *nhà nước – tôn giáo*. Xã hội vận động, phát triển một cách chậm chạp và nặng nề. Tuy vậy, nhân dân An Độ vẫn đạt được những thành tựu văn hóa tinh thần khá rực rỡ.

Về **văn hóa**, chữ viết đã được người An Độ sáng tạo từ thời văn hóa Haráppa, sau đó chữ Kharosthi (thế kỷ V TCN) ra đời; chữ Brami được dùng rộng rãi vào thời vua Axôca, sau cùng, nó được cách tân thành chữ Đêvanagari để viết tiếng Xanxcrit. *Văn học* có các bộ Vêđa [1]; các bộ sử thi (Mahabarata, Ramayana...). *Nghệ thuật* nổi bật là nghệ thuật tạo hình như kiến trúc, điêu khắc được thể hiện trong các cung điện, đền chùa, tháp, lăng tẩm, trụ đá... (tháp Xansi [Sanchi], trụ đá Xácna [Sarnath], lăng Taj Mahan, các tượng phật và tượng thần...

Về **khoa học tự nhiên**, người An Độ đã làm ra lịch pháp, phân biệt được 5 hành tinh và một số chòm sao; đã phát hiện ra chữ số thập phân, số p, xây dựng môn đại số học; đã biết cách tính diện tích các hình đơn giản và xác định được quan hệ giữa các cạnh của một tam giác vuông; đã đưa ra giả thuyết nguyên tử... Người An Độ cũng có nhiều thành tựu trong y dược học.

Về **tôn giáo**. An Độ là nơi sản sinh ra nhiều tôn giáo, trong đó quan trọng nhất là đạo Bàlamôn (về sau là đạo Hindu) và đạo Phật; ngoài ra còn có các tôn giáo khác như đạo Jaina, đạo Xích...

Tạo nên và nuôi dưỡng các thành tựu đó là lịch sử An Độ cổ và trung đại. Lịch sử này gồm 4 thời kỳ[2]:

**Thời kỳ văn minh Sông An** (từ giữa thiên niên kỷ III đến giữa thiên niên kỷ II TCN). Nền văn minh này được biết đến qua sự phát hiện hai thành phố bị chôn vùi Haráppa và Môhenjô Đarô ở lưu vực sông An vào năm 1920 nên còn được gọi là *văn hoá Haráppa*.

**Thời kỳ văn minh Vêđa** (từ giữa thiên niên kỷ II đến thế kỷ VII TCN). Nét nổi bật của nền văn minh này là sự thâm nhập của người Arya từ Trung Á vào khu vực của người bản địa Dravida ở vùng lưu vực sông Hằng, sự xuất hiện của 4 bộ kinh Vêđa sớm phản ánh sinh hoạt của họ, và sự pha trộn giữa 2 nền văn hóa - tín

ngưỡng của hai chủng tộc khác nhau. Chế độ đẳng cấp và đạo Bàlamôn xuất hiện góp phần hình thành một nền văn hóa mới của người Ấn Độ – *văn hóa Vêda*.

**Thời kỳ các vương triều độc lập** (từ thế kỷ VI TCN đến thế kỷ XII). Đây là thời kỳ có những biến động lớn về kinh tế, chính trị – xã hội, tư tưởng – văn hóa... với sự ra đời của các quốc gia và sự hình thành các trường phái triết học – tôn giáo lớn của Ấn Độ. Từ thế kỷ VI TCN, ở Ấn Độ có 16 nước nhỏ, trong đó, nước mạnh nhất là **Magada** nằm ở vùng hạ lưu sông Hằng. Năm 327 TCN, sau khi diệt được đế quốc Ba Tư rộng lớn, *quân đội Makêđônia do Alêchxăngđrơ chỉ huy đã tiến chiếm Ấn Độ*. Nhưng do quá mệt mỏi mà họ không đủ sức tấn công nước Magada. Alêchxăngđrơ cho quân rút lui. Khi quân đội Makêđônia rút lui, thủ lĩnh *Sandragupta*, biệt hiệu Môngga (Chim công) lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng, đánh đuổi quân Makêđônia ra khỏi Ấn Độ, làm chủ vùng Pundrap, và sau đó, tiến quân về phía đông giành lấy ngôi vua Magada, lập nên **vương triều Môngga** – vương triều huy hoàng nhất trong lịch sử Ấn Độ cổ đại. Vào thời vua *Axoca* (273-236), vương triều Môngga cực thịnh, với đạo Phật phát triển rực rỡ. Sau đó, vương triều suy yếu dần và bị diệt vong vào năm 28 TCN. Nước Ấn Độ bị chia cắt. Đến thế kỷ I, bộ tộc Cusin (cùng huyết thống với người Tuốc) từ Trung Á tràn vào và chiếm lấy vùng Tây Bắc lập nên **nước Cusin**. Vào thời vua *Canisxa* (78-123), nước Cusin phát triển rực rỡ, đạo Phật lại hưng thịnh, rồi sau đó suy yếu dần, lãnh thổ thu hẹp lại trong vùng Pundrap, và cuối cùng, bị diệt vong vào thế kỷ V. Dù bị chia cắt, nhưng vào năm 320, **vương triều Gupta** đã được thành lập ở miền Bắc và một phần miền Trung Ấn Độ. Từ năm 500 đến năm 528, miền Bắc Ấn Độ bị người *Eptalil* chiếm đóng. Năm 535, vương triều này bị diệt vong. Năm 606, vua *Hácsa* lập nên vương triều Hácsa hùng mạnh ở miền Bắc, năm 648, ông mất, vương triều cũng tan rã. Ngay từ đầu thế kỷ XI, các vương triều Hồi giáo ở Apganixtan luôn tấn công Ấn Độ; đến năm 1200, miền Bắc Ấn Độ đã bị sáp nhập vào Apganixtan.

**Thời kỳ các vương triều lệ thuộc** (từ thế kỷ XIII đến giữa thế kỷ XIX). Năm 1206, Viên Tổng đốc của Apganixtan ở miền Bắc An Độ đã tách miền Bắc An Độ ra thành lập một nước riêng, tự mình làm *Xuntan* (vua), đóng đô ở Đêli và gọi tên nước là ***Xuntan Đêli*** (1206-1526)... Trải qua năm vương triều do người Hồi giáo ngoại tộc cai trị, đến năm 1526, dòng dõi người Mông Cổ ở Trung Á, bị Tuốc hóa, theo đạo Hồi tấn công và chiếm lấy An Độ lập nên vương triều ***Môgôn***. Năm 1849, thực dân Anh bắt đầu chinh phục An Độ. Năm 1857, vương triều Môgôn bị diệt vong. An Độ trở thành thuộc địa của thực dân Anh...

## 2. Các đặc điểm cơ bản

Từ trong hoàn cảnh lịch sử và truyền thống Vêđa, triết học An Độ cổ đại đã hình thành và phát triển. Chính ***Upanisát*** – tác phẩm Vêđa xuất hiện muộn nhất – đã thể hiện rõ những triết lý sâu sắc của người An Độ. Những triết lý này tạo thành những mạch suối ngầm làm phát sinh ra nhiều dòng chảy tư tưởng triết học – tôn giáo của An Độ. Upanisát cổ lý giải những vấn đề về bản thể – nhân sinh, về sự sống – cái chết..., nó ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống tinh thần của người dân An Độ nói riêng, của nhiều dân tộc phương Đông nói chung.

Dù cùng được hình thành và phát triển từ trong truyền thống Vêđa, nhưng các trường phái triết học An Độ cổ đại lại luôn xung đột lẫn nhau, và sự xung đột này kéo dài cho đến hết thời trung đại. Tùy thuộc vào việc có thừa nhận hay không quyền uy, sức mạnh của Vêđa mà các trường phái triết học An Độ cổ – trung đại được chia thành hệ thống chính thống và hệ thống không chính thống. ***Hệ thống triết học chính thống*** bao gồm 6 trường phái thừa nhận uy quyền của Vêđa là *Vêđanta, Samkhya, Mimansa, Yôga, Niaja* và *Vaisêsika*. ***Hệ thống triết học không chính thống*** bao gồm 3 trường phái không thừa nhận uy quyền của Vêđa là *Lokayatta, Đạo Jaina, Đạo Phật*. Mặc có nhiều trường phái, hệ thống khác nhau nhưng nhìn chung, triết học An Độ cổ – trung đại có những đặc điểm cơ bản sau:

*Thứ nhất*, do chịu ảnh hưởng bởi *tinh thần Vêđa* mà triết học An Độ cổ đại không thể phân chia rõ ràng thành chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, phép biện chứng và phép siêu hình (như triết học phương Tây), mà chủ yếu được chia thành *các hệ thống chính thống* và *các hệ thống không chính thống*. Trong các trường phái triết học cụ thể luôn có sự đan xen giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, giữa phép biện chứng và phép siêu hình với nhau.

*Thứ hai*, do chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi *các tư tưởng tôn giáo* mà triết học An Độ cổ đại thường là một bộ phận lý luận quan trọng tạo nên nội dung giáo lý của các tôn giáo lớn. Tuy nhiên, tôn giáo của Ấn Độ không có xu hướng “hướng ngoại” để tìm kiếm sức mạnh nơi Thượng đế (như các tôn giáo phương Tây) mà có xu hướng “hướng nội” đi sâu tìm hiểu đời sống tâm linh, tinh thần để phát hiện ra sức mạnh của linh hồn cá nhân con người; vì vậy, triết học An Độ cổ – trung đại mang nặng tính chất duy tâm chủ quan và thần bí.

*Thứ ba*, triết học An Độ cổ đại đã đặt ra nhiều vấn đề, song nó rất quan tâm đến việc giải quyết các vấn đề thuộc về *lĩnh vực nhân sinh*, nhằm tìm kiếm con đường *giải thoát* chúng sinh ra khỏi thực tế khắc nghiệt của cuộc sống do chế độ đẳng cấp tạo ra.

---

[1] *Vêđa* là thần thoại diễn ca truyền khẩu được sáng tác trong một quãng thời gian dài hơn 1000 năm; sau đó, nó được ghi lại thành giáo lý của đạo Bàlamôn. *Vêđa* vốn có nghĩa là hiểu biết; nó là nền tảng tư tưởng tôn giáo – triết học – chính trị của An Độ cổ đại. *Vêđa* bao gồm 4 tập *Vêđa* sớm dưới dạng thơ (Rích *Vêđa*, Xama *Vêđa*, Atácva *Vêđa* và Yagiva *Vêđa*) và 3 tập *Vêđa* muộn dưới dạng văn xuôi (Brátmana, Araniaca, Upanisát). Những tác phẩm *Vêđa* muộn, đặc biệt là Upanisát, có ý nghĩa triết học rõ nét.

[2] Do tính đặc thù của “phương thức sản xuất châu Á” mà ở An Độ không có sự phân chia rõ thời cổ đại với thời trung đại.

TaiLieuTuoit.com